

Số: 37/ĐT

V/v: Triệu tập học viên cao học  
thuộc diện cảnh báo học vụ

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2016

Kính gửi: - Ban chủ nhiệm các Khoa  
- Toàn thể học viên cao học khóa 20, 21, 22

Thực hiện kết luận của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ tại cuộc họp ngày 16/09/2016, Nhà trường tổ chức buổi làm việc với các học viên cao học (HVCH) như sau:

1. Thời gian: 18h00, thứ Năm, ngày 29 tháng 09 năm 2016

2. Địa điểm: Phòng 3-G3

3. Nội dung buổi làm việc: Phòng Đào tạo, phòng Công tác Sinh viên phối hợp với các Khoa làm việc với các học viên thuộc các đối tượng sau:

- Làm việc với các học viên thuộc diện cảnh báo học vụ và học viên không đảm bảo tiến trình học tập (danh sách kèm theo công văn số 370/ĐT-TB ngày 26/09/2016).
- Hỗ trợ HVCH Khóa 20,21 gặp vướng mắc, chưa hoàn thành chương trình đào tạo và luận văn.

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT, D.4.

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

  
Nguyễn Phương Thái

**DANH SÁCH HỌC VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC VỤ**

| Stt                       | Mã HV    | Tên và tên        | Ngày sinh  | Giới tính | Chuyên ngành | Điểm TBC | Tổng TCTL |
|---------------------------|----------|-------------------|------------|-----------|--------------|----------|-----------|
| <b>KHÓA QH-2013 (K20)</b> |          |                   |            |           |              |          |           |
| 1.                        | 13025002 | Lê Phương Chi     | 04/09/1984 | Nữ        | HTTT         | 0        | 0         |
| 2.                        | 13025088 | Trần Hoài Nam     | 18/02/1988 | Nam       | HTTT         | 2.33     | 6         |
| 3.                        | 13025096 | Nguyễn Trung Tài  | 18/05/1990 | Nam       | HTTT         | 3.00     | 3         |
| 4.                        | 13025101 | Đỗ Chiến Thắng    | 07/01/1991 | Nam       | HTTT         | 2.58     | 11        |
| 5.                        | 13025107 | Phí Văn Thủy      | 29/12/1991 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 6.                        | 13025116 | Đào Quốc Vương    | 16/11/1991 | Nam       | HTTT         | 3.50     | 2         |
| 7.                        | 13025119 | Nguyễn Minh Nam   | 15/11/1991 | Nam       | KHMT         | 2.80     | 5         |
| 8.                        | 13025057 | Nguyễn Khánh Ngọc | 31/05/1984 | Nam       | KTĐT         | 2.50     | 6         |
| 9.                        | 13025059 | Nguyễn Văn Thành  | 01/11/1990 | Nam       | KTĐT         | 1.50     | 4         |
| 10.                       | 13025060 | Võ Minh Trung     | 22/09/1984 | Nam       | KTĐT         | 1.54     | 13        |
| 11.                       | 13025126 | Nguyễn Hiệp       | 02/02/1987 | Nam       | KTĐT         | 2.85     | 13        |
| 12.                       | 13025140 | Nguyễn Văn Thủy   | 04/03/1988 | Nam       | KTĐT         | 2.67     | 9         |
| 13.                       | 13025142 | Vũ Hồng Việt      | 16/09/1989 | Nam       | KTĐT         | 1.67     | 9         |
| 14.                       | 13025022 | Phạm Thế Anh      | 02/03/1985 | Nam       | KTPM         | 2.00     | 2         |
| 15.                       | 13025028 | Ngô Đức Hùng      | 10/11/1989 | Nam       | KTPM         | 2.39     | 9         |
| 16.                       | 13025029 | Phạm Văn Kế       | 19/05/1986 | Nam       | KTPM         | 2.27     | 17        |
| 17.                       | 13025041 | Tạ Minh Tú        | 20/08/1987 | Nam       | KTPM         | 3.39     | 13        |
| 18.                       | 13025042 | Mai Quang Tuấn    | 01/10/1989 | Nam       | KTPM         | 1.67     | 6         |
| 19.                       | 13025144 | Nguyễn Văn An     | 23/04/1982 | Nam       | KTPM         | 2.23     | 11        |
| 20.                       | 13025150 | Nguyễn Văn Dương  | 01/09/1989 | Nam       | KTPM         | 0        | 0         |
| 21.                       | 13025154 | Trần Minh Đức     | 03/04/1990 | Nam       | KTPM         | 3.50     | 2         |
| 22.                       | 13025161 | Trần Trọng Hóa    | 05/11/1990 | Nam       | KTPM         | 2.44     | 9         |
| 23.                       | 13025174 | Nguyễn Thị Ngọc   | 12/04/1991 | Nữ        | KTPM         | 3.00     | 2         |
| 24.                       | 13025177 | Nguyễn Duy Phú    | 03/11/1991 | Nam       | KTPM         | 2.86     | 11        |
| 25.                       | 13025184 | Mai Hữu Tiến      | 09/05/1987 | Nam       | KTPM         | 2.00     | 2         |
| 26.                       | 13025194 | Trần Huy Vũ       | 08/08/1991 | Nam       | KTPM         | 0        | 0         |
| 27.                       | 13025044 | Mai Hoàng Anh     | 16/06/1986 | Nam       | TDL&MMT      | 2.64     | 7         |
| 28.                       | 13025047 | Đào Duy Hưng      | 02/05/1986 | Nam       | TDL&MMT      | 0        | 0         |
| 29.                       | 13025199 | Hoàng Việt Hải    | 07/07/1983 | Nam       | TDL&MMT      | 1.86     | 18        |
| 30.                       | 13025207 | Phạm Thanh Tùng   | 18/12/1988 | Nam       | TDL&MMT      | 3.00     | 10        |

| Stt                       | Mã HV    | Tên và tên       | Ngày sinh  | Giới tính | Chuyên ngành | Điểm TBC | Tổng TCTL |
|---------------------------|----------|------------------|------------|-----------|--------------|----------|-----------|
| <b>KHÓA QH-2014 (K21)</b> |          |                  |            |           |              |          |           |
| 1.                        | 14025058 | Đỗ Xuân Phương   | 19/03/1989 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 2.                        | 14025062 | Nguyễn Ngọc Sơn  | 03/04/1991 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 3.                        | 14025068 | Trịnh Quốc Việt  | 27/08/1988 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 4.                        | 14025115 | Phạm Ngọc Ánh    | 01/08/1987 | Nam       | HTTT         | 7        | 0.76      |
| 5.                        | 14025141 | Trần Văn Phước   | 14/12/1982 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 6.                        | 14025152 | Trần Thanh Tùng  | 21/04/1985 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 7.                        | 14025156 | Đào Quang Anh    | 23/08/1988 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 8.                        | 14025071 | Lê Thị Thúy      | 11/11/1991 | Nữ        | KHMT         | 0        | 0         |
| 9.                        | 14025140 | Đỗ Khắc Phong    | 04/06/1992 | Nam       | KHMT         | 11       | 3.63      |
| 10.                       | 14025005 | Hồ Viết Duẩn     | 25/10/1984 | Nam       | KTPM         | 0        | 0         |
| 11.                       | 14025008 | Phạm Ngọc Hà     | 21/12/1981 | Nam       | KTPM         | 0        | 0         |
| 12.                       | 14025020 | Nguyễn Thị Ngọc  | 17/03/1991 | Nữ        | KTPM         | 0        | 0         |
| 13.                       | 14025122 | Trịnh Văn Chung  | 25/05/1979 | Nam       | KTPM         | 11       | 3.35      |
| 14.                       | 14025124 | Nguyễn Hữu Đạt   | 07/08/1990 | Nam       | KTPM         | 5        | 2.3       |
| 15.                       | 14025137 | Đinh Hoàng Nghĩa | 27/10/1989 | Nam       | KTPM         | 6        | 1.5       |
| 16.                       | 14025139 | Nguyễn Trọng Phi | 26/11/1983 | Nam       | KTPM         | 5        | 3         |
| 17.                       | 14025094 | Nguyễn Văn Toàn  | 26/03/1992 | Nam       | KTVT         | 5        | 2.4       |
| 18.                       | 14025036 | Lê Thị Thu Thủy  | 04/12/1991 | Nữ        | TDL&MMT      | 10       | 1.6       |
| 19.                       | 14025039 | Nguyễn Anh Tuấn  | 18/01/1990 | Nam       | TDL&MMT      | 4        | 3.35      |
| 20.                       | 14025130 | Phạm Công Khiên  | 23/09/1990 | Nam       | TDL&MMT      | 0        | 0         |
| 21.                       | 14025081 | Phan Thị Duyên   | 08/02/1990 | Nữ        | VLKT&CNNN    | 0        | 0         |

## DANH SÁCH HỌC VIÊN KHÔNG ĐẢM BẢO TIẾN TRÌNH HỌC TẬP

| Stt                       | Mã HV    | Tên và tên        | Ngày sinh  | Giới tính | Chuyên ngành | Điểm TBC | Tổng TCTL |
|---------------------------|----------|-------------------|------------|-----------|--------------|----------|-----------|
| <b>KHÓA QH-2015 (K22)</b> |          |                   |            |           |              |          |           |
| 1                         | 15025071 | Phạm Khắc Tuy     | 02/09/1991 | Nam       | KHMT_Chuyển  | 3        | 1.5       |
| 2                         | 15025068 | Hoàng Phan Thái   | 13/09/1984 | Nam       | KHMT_NVCL    | 6        | 4         |
| 3                         | 15025095 | Nguyễn Trung Hiếu | 11/04/1992 | Nam       | KTPM         | 9        | 3         |
| 4                         | 15025098 | Nguyễn Quốc Khánh | 23/01/1990 | Nam       | KTPM         | 6        | 2         |
| 5                         | 15025099 | Phạm Trung Kiên   | 31/05/1982 | Nam       | KTPM         | 9        | 2.4       |
| 6                         | 15025100 | Nguyễn Văn Lăng   | 19/10/1989 | Nam       | KTPM         | 0        | 0         |
| 7                         | 15025014 | Lê Hoàng Long     | 15/12/1991 | Nam       | KTPM         | 3        | 2         |
| 8                         | 15025015 | Đặng Đình Mạnh    | 14/09/1991 | Nam       | KTPM         | 9        | 2         |
| 9                         | 15025020 | Nguyễn Minh Phúc  | 07/12/1988 | Nam       | KTPM         | 0        | 0         |
| 10                        | 15025046 | Vũ Việt Dũng      | 14/09/1992 | Nam       | HTTT         | 9        | 3.5       |
| 11                        | 15025049 | Phạm Thị Hạnh     | 01/04/1991 | Nữ        | HTTT         | 9        | 2.9       |
| 12                        | 15025051 | Nguyễn Đình Linh  | 13/11/1989 | Nam       | HTTT         | 3        | 3         |
| 13                        | 15025131 | Đặng Thị Mai      | 22/12/1988 | Nữ        | HTTT         | 0        | 0         |
| 14                        | 15025058 | Vũ Ngọc Thúc      | 16/04/1992 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 15                        | 15025063 | Chu Quốc Văn      | 28/09/1988 | Nam       | HTTT         | 0        | 0         |
| 16                        | 15025034 | Nguyễn Trần Khải  | 17/06/1990 | Nam       | QLHTTT       | 7        | 3.14      |
| 17                        | 15025118 | Nguyễn Duy Vương  | 14/01/1990 | Nam       | QLHTTT       | 0        | 0         |
| 18                        | 15025086 | Trần Viết Hoạt    | 26/03/1990 | Nam       | CĐT          | 3        | 1         |

**Ghi chú:** Mã HV = Mã học viên; Điểm TBC = Điểm trung bình chung; Tổng TCTL = Tổng tín chỉ tích lũy.